

Số: **55** /QĐ-TTPTQĐ

Biên Hòa, ngày **26** tháng **5** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 62/TB-TCKH ngày 19 tháng 05 năm 2025 của phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hòa về việc đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, Trưởng phòng kế toán tài chính, Trưởng phòng nghiệp vụ bồi thường và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phó giám đốc;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu :VT,Kế toán.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Hoàng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 26 tháng 05 năm 2025. Tại trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa đã tiến hành niêm yết công khai bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024.

I. Thành phần tham dự:

- | | |
|------------------------|-------------------------------|
| - Ông Phạm Đức Hoàng | - Chức vụ: Giám đốc; |
| - Bà Phùng Thị Đan Vân | - Chức vụ: Kế toán trưởng; |
| - Ông Đào Thành Vân | - Chức vụ: Ban thanh tra; |
| - Bà Nguyễn Hồng Nhung | - Chức vụ: Trưởng phòng HCNS. |

II. Nội dung niêm yết:

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa tiến hành niêm yết công khai minh bạch bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thời gian niêm yết là 15 ngày (từ 8 giờ ngày 26/5/2025 đến ngày 9/6/2025).

Phạm vi niêm yết: Được công khai trong phạm vi toàn đơn vị.

Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin nội bộ của đơn vị, đảm bảo an toàn, không mất, thuận tiện đọc các bản kê khai, là nơi toàn thể viên chức, người lao động có thể xem được.

Yêu cầu niêm yết: Trong suốt quá trình niêm yết, không được tháo gỡ, bôi, tẩy xóa hay thay đổi nội dung. Nếu viên chức, người lao động có thắc mắc cần làm rõ đến nội dung bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 xin liên hệ Ban Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn, Thanh tra nhân dân của đơn vị để phản ánh.

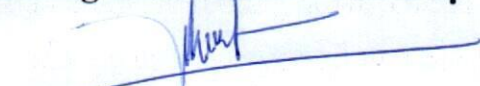
Tiến hành niêm yết công khai bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa tại bảng thông tin của cơ quan./.

Kế toán trưởng



Phùng Thị Đan Vân

Phòng Hành chính – Nhân sự



Nguyễn Hồng Nhung

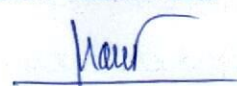


Giám đốc



Phạm Đức Hoàng

Ban thanh tra



Đào Thành Vân

Số: 62 /TB-TCKH

Biên Hòa, ngày 19 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO
Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024
Đơn vị được thông báo: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ
Mã chương: 799

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố và Biên bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 ngày 22/4/2025 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí:

- Tổng số thu trong năm :	0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước:	0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại:	0 đồng
- Tổng số chi trong năm :	0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách :

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán được giao trong năm:	0 đồng

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm:	0 đồng
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	0 đồng
- Kinh phí quyết toán :	0 đồng
- Kinh phí giảm trong năm (hủy dự toán):	0 đồng
- Số dư kinh phí chuyển năm sau sử dụng :	0 đồng

Trong đó:

+ Kinh phí đã nhận:	0 đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	0 đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ lục 2.c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	0 đồng
- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	0 đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng
Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố không có kiến nghị nộp lại tiền của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, tài chính.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Trên cơ sở báo cáo do Trung tâm Phát triển Quỹ đất cung cấp, Phòng Tài chính – Kế hoạch không thực hiện kiểm tra, chỉ tổng hợp số liệu căn cứ báo cáo tài chính của Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của số liệu cung cấp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 182.014.803 đồng

Trong đó:

+ Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng

+ Trích lập các Quỹ: 182.014.803 đồng

+ Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ lục 2.b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét :

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo: Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố nộp báo cáo theo đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo: Đơn vị lập Báo cáo tài chính năm 2024 theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

* Xây dựng dự toán đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

* Đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024. Tuy nhiên, nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 còn tồn tại một số nội dung đã được UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh lại Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Văn bản số 4916/UBND-KTNS ngày 01/4/2024 của UBND thành phố Biên Hòa.

Qua kiểm tra một số khoản chi năm 2024, Phòng Tài chính – Kế hoạch ghi nhận như sau:

+ Đối với nội dung chi phúc lợi từ chi phí: Theo Văn bản số 1459/TCKH-HCSN ngày 28/3/2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch đã có ý kiến “Đối với nội dung chi phúc lợi: Nội dung này nằm trong nội dung chi của Quỹ phúc lợi, đề nghị đơn vị nghiên cứu quy định, rà soát, điều chỉnh cho phù hợp”. Cụ thể:

Chi đám tang người thân viên chức, hợp đồng lao động: 3.000.000 đồng; chi thăm bệnh, quà mừng cưới, thai sản: 7.500.000 đồng.

+ Đối với nội dung chi đám tang cho đơn vị bên ngoài: 5.500.000 đồng, hỗ trợ Đại hội liên hiệp thanh niên Việt Nam thành phố: 5.000.000 đồng) không thuộc nội dung chi quỹ phúc lợi theo khoản 3 điều 13 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ).

* Đối với việc nộp thuế:

Đơn vị đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 là 310.619.615 đồng

vào ngày 25/12/2024 (theo kiến nghị tại Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023). Đơn vị chưa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 số tiền 278.988.975 đồng.

* Đối với việc công khai tài chính:

Đơn vị thực hiện công khai dự toán giao đầu năm 2024, công khai đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2023, dự toán điều chỉnh năm 2024 đảm bảo thời gian quy định theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC (chậm nhất 15 ngày): Quyết định giao dự toán đầu năm ngày 21/12/2023, Quyết định công khai của đơn vị ngày 26/12/2023; Thông báo đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2023 ngày 31/7/2024, Quyết định công khai của đơn vị ngày 06/8/2024; Quyết định điều chỉnh dự toán ngày 05/11/2024, Quyết định công khai của đơn vị ngày 06/11/2024. Đơn vị chưa thực hiện công khai thu, chi hoạt động 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2024 theo quy định Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Ngoài các khoản thu trong báo cáo tài chính năm 2024, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố cam kết không có khoản thu nào ngoài sổ sách.

2. Kiến nghị :

- Đối với những thiếu sót trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ như đã nêu trên, đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất cần nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm.

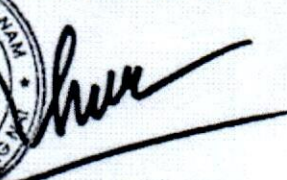
- Đề nghị đơn vị rà soát lại khoản chi không đúng như đã nêu trên, thực hiện loại trừ chi phí, xác định lại kết quả hoạt động, số thuế TNDN phải nộp năm 2024 và số tiền trích lập quỹ theo quy định.

- Đề nghị đơn vị nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 số tiền 278.988.975 đồng trước ngày 31/5/2025.

- Đề nghị đơn vị công khai theo quy định Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất TPBH;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Thanh Thủy

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ
Mã QHNS: 9019828
Chương: 799

Chi tiêu	Nội dung	Mã số	Số tiền
A	B	C	I
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	-
	a. Từ NSNN cấp	2	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3	-
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4	-
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	-
	a. Chi phí hoạt động	6	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7	-
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8	-
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	9	-
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	10	13.848.153.600
2	Chi phí	11	13.488.132.963
	- Chi tiền lương, tiền công và các chi phí khác cho nhân viên		9.086.561.836
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		-
	- Chi phí khấu hao tài sản		-
	- Chi phí hoạt động khác		4.401.571.127
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	360.020.637
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	20	101.295.141
2	Chi phí	21	312.000
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	100.983.141
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác	30	-
2	Chi phí khác	31	-
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	-
V	Chi phí thuế TNDN	40	278.988.975
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	182.014.803
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	-
2	Phân phối cho các quỹ	52	182.014.803
	- Quỹ khen thưởng		-
	- Quỹ phúc lợi		136.511.102
	- Quỹ phát triển HDSN		45.503.701
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		-
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	-

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ
Mã QHNS: 9019828
Chương: 799

ĐVT: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	-	-	-
	a. Từ NSNN cấp	2	-	-	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3	-	-	-
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4	-	-	-
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	-	-	-
	a. Chi phí hoạt động	6	-	-	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7	-	-	-
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8	-	-	-
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	9	-	-	-
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	13.848.153.600	13.848.153.600	-
2	Chi phí	11	13.488.132.963	13.488.132.963	-
	- Chi tiền lương, tiền công và các chi phí khác cho nhân viên		9.086.561.836	9.086.561.836	
	- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		-	-	
	- Chi phí khấu hao tài sản		-	-	
	- Chi phí hoạt động khác		4.401.571.127	4.401.571.127	
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	360.020.637	360.020.637	-
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20	101.295.141	101.295.141	-
2	Chi phí	21	312.000	312.000	-
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	100.983.141	100.983.141	-
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30	-	-	-
2	Chi phí khác	31	-	-	-
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	-	-	-
V	Chi phí thuế TNDN	40	278.988.975	278.988.975	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	182.014.803	182.014.803	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	-	-	-
2	Phân phối cho các quỹ	52	182.014.803	182.014.803	
	- Quỹ khen thưởng		-	-	
	- Quỹ phúc lợi		136.511.102	136.511.102	
	- Quỹ phát triển HDSN		45.503.701	45.503.701	
	- Quỹ bổ sung thu nhập		-	-	
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	-	-	-

BÁO CÁO CHI TIẾT THU, CHI HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (I+II+III-IV)	13.848.153.600	
I	Trích từ đầu giá QSD đất	0	
II	Kinh phí thực hiện công tác bồi thường 1,6%	13.947.332.600	
1	Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp	17.913.000	- QĐ 1864/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
2	Xây dựng, mở rộng Chợ Hoà An tại phường Hoà An	3.682.000	- QĐ 1526/QĐ-UBND (18/12/2023) - QĐ 4063/QĐ-UBND (17/9/2024)
3	Đường Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1 - giai đoạn 1)	865.192.400	1734 (27/12/2023); 4074 (19/9/2024); 4524 (08/10/2024); 1773 (28/12/2023); 1806 (28/12/2023); 1807 (28/12/2023); 2607 (18/7/2024); 4535 (09/10/2024); 5403 (04/11/2024); 6269 (09/12/2024); 7805 (31/12/2024)
4	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	16.304.000	- QĐ 1874/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, - 751/QĐ-UBND ngày 18/8/2023
5	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Tri Phương thành phố Biên Hòa	51.756.800	- QĐ 1856/QĐ-UBND (29/12/2023) - QĐ 5415/QĐ-UBND (4/11/2024) - QĐ 5413/QĐ-UBND (4/11/2024)
6	Đường ven Sông Đồng Nai , thành phố Biên Hoà (từ Cầu Hoà An đến giáp ranh Huyện Vĩnh Cửu)	522.326.000	- QĐ 1177/QĐ-UBND (13/10/2023) - QĐ 1186/QĐ-UBND (19/10/2023) - QĐ 1476/QĐ-UBND (4/12/2023) - QĐ 1675/QĐ-UBND (23/12/2023) - QĐ 1719/QĐ-UBND (26/12/2023) - QĐ 1169/QĐ-UBND (16/5/2024) - QĐ 1171/QĐ-UBND (16/5/2024) - QĐ 2910/QĐ-UBND (30/7/2024) - QĐ 2993/QĐ-UBND (30/7/2024) - QĐ 3194/QĐ-UBND (31/7/2024) - QĐ 4588/QĐ-UBND (11/10/2024) - QĐ 4706/QĐ-UBND (16/10/2024) - QĐ 4923/QĐ-UBND (23/10/2024) - QĐ 5428/QĐ-UBND (4/11/2024)
7	Kè Sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoà An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	7.825.000	- QĐ 1674/QĐ-UBND (23/12/2023) - QĐ 2981/QĐ-UBND (31/7/2024) - QĐ 4926/QĐ-UBND (23/10/2024) - QĐ 5426/QĐ-UBND (4/11/2024)
8	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, Suối Bà Lúa và suối Cầu Quan thuộc thành phố Biên Hoà	112.431.000	QĐ 1853/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; QĐ 45/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; QĐ 280/QĐ-UBND ngày 03/5/2024; QĐ 2834/QĐ-UBND ngày 29/7/2024; QĐ 4021/QĐ-UBND ngày 16/9/2024; QĐ 4997/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; QĐ 5405/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; QĐ 4090/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 sửa đổi quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 15/12/2020; QĐ 156/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 sửa đổi QĐ 1354 ngày 04/6/2021
9	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	2.015.188.000	3368 (25/12/2023); 1876 (29/12/2023); 4898 (22/10/2024) đ/c 4473 (08/10/2024); 5014 (24/10/2024) đ/c 4478 (08/10/2024); 5015 (24/10/2024); 5019 (24/10/2024); 5022 (24/10/2024); 5323 (01/11/2024); 5398 (04/11/2024); 5399 (04/11/2024)
10	XD Đường nối từ đường Võ Thị Sáu sang đường Hưng Đạo Vương	359.332.000	98/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
11	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm	4.288.000	24 (21/2/22); 967 (12/9/2023)



STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
12	Gia cố Bờ sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh phía Cù lao phỏ qua phường Hiệp Hoà (Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai)	156.747.000	- QĐ 1356/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 - QĐ 1750/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 - QĐ 1763/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 - QĐ 1871/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
13	Gia cố Bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát	18.636.000	- QĐ 1479/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 - QĐ 262/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 - QĐ 4461/QĐ-UBND ngày 07/10/2024
14	Xử lý ô nhiễm Dioxin	47.023.600	QĐ 209/QĐ-UBND ngày 10/5/2022; QĐ 249/QĐ-UBND ngày 10/4/2023; QĐ 2909/QĐ-UBND ngày 30/7/2024
15	Mở rộng trùng tu tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại phường Hiệp Hoà	155.616.400	1861/QĐ-UBND (29/12/2023) ; 2556/QĐ-UBND (16/7/2024); 2953/QĐ-UBND (31/7/2024)
16	Cải tạo nút giao đường Nguyễn Du với đường N4	31.251.000	- QĐ 91/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
17	Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toán, tp Biên Hòa	4.333.945.000	- QĐ số 1733/QĐ-UBND ngày 27/12/2023, - 5824/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 điều chỉnh 4531/QĐ-UBND ngày 09/10/2024; - 1822/QĐ-UBND ngày 28/12/2023; - 5510/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 3788/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 điều chỉnh 3034/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 2677/QĐ-UBND ngày 29/7/2024; - 1996/QĐ-UBND ngày 09/7/2024; - 2961/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 2983/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 2955/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 3030/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 3018/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; - 5468/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 5328/QĐ-UBND ngày 01/11/2024; - 5589/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 5585/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 5507/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 5492/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; - 5385/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 điều chỉnh 4880/QĐ-UBND ngày 21/10/2024; - 5573/QĐ-UBND ngày 04/11/2024
18	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại,nhà ở cao cấp và khu tái định cư tại phường Bửu Long (giai đoạn 2)	16.128.000	QĐ 5618/QĐ-UBND ngày 04/11/2024
19	Khu dân cư theo quy hoạch tại khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa	22.029.000	QĐ 308/QĐ-UBND (20/4/2023)
20	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bửu Hòa	6.810.000	- QĐ 270/QĐ-UBND ngày 24/4/2024; - 5617/QĐ-UBND ngày 04/11/2024
21	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa	6.165.000	- QĐ 5592/QĐ-UBND ngày 04/11/2024
22	Trường MN Tân Vạn	369.616.000	QĐ 5050/QĐ-UBND (28/10/2024)
23	Khu dân cư phục vụ tái định cư Tân Vạn	239.823.000	QĐ 50/QĐ-UBND (24/01/2024); QĐ 51/QĐ-UBND (24/01/2024); QĐ 52/QĐ-UBND (24/01/2024); QĐ 53/QĐ-UBND (24/01/2024); QĐ 5603/QĐ-UBND (4/11/2024)
24	Gia cố bờ sông Khu vực Trụ cầu T9 cầu Bửu Hòa	284.539.000	07 (23/01/2024); 30 (23/01/2024)
25	Khu dân cư và tái định cư Hiệp Hoà	1.300.902.000	373/UBND (31/5/2022) đ/c 620/UBND (20/4/2021); 1542/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 (đợt 4 bổ sung); 374/UBND (31/5/2022) đ/c 1542/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 ; 2235/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 (đợt 5); 2979/QĐ-UBND ngày 03/11/2021(điều chỉnh đợt 5); 3180/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 (đợt 6)
26	Khu dân cư theo QH tại phường Phước Tân	591.495.400	QĐ 231/QĐ-UBND ngày 08/4/2024; QĐ 259/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; QĐ 1939/QĐ-UBND ngày 05/7/2024; QĐ 1971/QĐ-UBND ngày 08/7/2024

1. ĐỒNG

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
27	Nhà máy xử lý nước thải phường Tam Hiệp thuộc dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, GD 1	223.854.000	1740 (16/12/2020); 3182 (15/11/2021); 3010 (31/7/2024)
28	Đường dây 220KV Sông Máy Tam Phước	2.166.000.000	- QĐ 928/QĐ-UBND (5/9/2023) - QĐ 929/QĐ-UBND (5/9/2023) - QĐ 935/QĐ-UBND (5/9/2023) - QĐ 1885/QĐ-UBND (29/12/2023) - QĐ 2645/QĐ-UBND (25/7/2024)
29	Trường tiểu học Trần Văn Ôn	514.000	790/QĐ-UBND ngày 22/8/2023
III	Thu từ quản lý các khu đất	0	
IV	Giảm nguồn thu do điều chỉnh giảm một số Quyết định	99.179.000	
B	Thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi)	101.295.141	
C	Kinh phí được sử dụng (A+B)	13.949.448.741	
D	Tổng chi hoạt động năm 2024	13.488.444.963	
I	Chi thanh toán cá nhân	9.086.561.836	
1	Tiền lương	6.743.861.836	
2	Các khoản phụ cấp (xăng, cơm, công tác phí ..)	2.083.200.000	
3	Tiền đồng phục	259.500.000	
II	Chi hoạt động quản lý	4.401.883.127	
1	Các khoản đóng góp	1.532.893.102	
2	Vật tư văn phòng, văn phòng phẩm	205.393.000	
3	Dịch vụ công cộng	30.675.585	
4	Thông tin tuyên truyền liên lạc	28.414.863	
5	Hội nghị	46.630.601	
6	Chi phí thuê mướn	94.286.376	
7	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác	165.718.000	
8	Chi thanh toán tiền mua phần mềm	27.616.000	
9	Chi tiếp khách	136.741.929	
10	Các khoản chi khác	652.786.067	
11	Phần kinh phí thực hiện tiết kiệm theo NQ 119	158.729.644	
12	Chi tiền thưởng theo ND 73	268.632.000	
13	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1.053.365.960	
E	Nộp thuế TNDN	278.988.975	
F	Chênh lệch thu chi	182.014.803	
1	Trích quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	45.503.701	
2	Trích quỹ ổn định thu nhập	0	
3	Trích lập khen thưởng + PL	136.511.102	

